

Bản án số: 09/2025/DS-ST

Ngày 29/7/2025

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay có
cầm cố tài sản; Tranh chấp hợp
đồng mượn tài sản.

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – KHÁNH HOÀ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuỳ Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hoàng Liên và ông Lê Huỳnh Sinh .

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan – Thư ký Tòa án nhân dân
khu vực 5 – Khánh Hoà.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Khánh Hoà tham gia phiên
tòa:** Bà Lê Nguyễn Tường Vy - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Khánh
Hoà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 552/2024/TLST-DS ngày 25
tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay có cầm cố tài sản; Tranh
chấp hợp đồng mượn tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số
55/2025/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa
số 03/2025/QĐST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty cổ phần S1.

Địa chỉ: Số A N, phường T, tỉnh Nghệ An.

Đại diện theo pháp luật: Ông KANOKWATPAISAL NAPAT, chức vụ: Giám
đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn S- Nhân viên Công ty cổ
phần S1.

Địa chỉ: B đường L, phường B, tỉnh Khánh Hòa (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Thái Thị Huyền C, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Tổ dân phố H, phường P, tỉnh Khánh Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên
tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Công ty Cổ phần S1 (gọi tắt là Công ty S1) có giấy chứng nhận đăng ký
doanh nghiệp công ty cổ phần do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh N cấp giấy chứng
nhận đăng ký thay đổi lần thứ 8, ngày 10/12/2024 và có Giấy chứng nhận đăng ký
hoạt động chi nhánh do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh N cấp giấy chứng nhận đăng

ký thay đổi lần thứ 3, ngày 14/4/2024. Công ty hoạt động nhiều lĩnh vực, trong đó có cầm cố tài sản.

Ngày 06/7/2023, Công ty TNHH S2 - Chi nhánh P2 và bà Thái Thị Huyền C có ký kết Hợp đồng cầm cố tài sản số NJM230701005NA20X, loại hợp đồng cầm xe mượn lại xe, phụ lục hợp đồng cầm cố và P đăng ký cầm cố xe máy như sau:

Bà C cầm cố tài sản là xe máy hiệu HONDA, số loại KF410AIR biển số 85B1-589.66, số khung RLHKF4104LZ019437, số máy KF41E0049669 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 85 008480 do Phòng C1 Công an tỉnh N cấp cho bà C ngày 20/02/2023 để nhận số tiền là 25.300.000đồng.

Mục đích cầm cố: Phục vụ tiêu dùng cá nhân và kinh doanh.

Thời hạn cầm cố 18 tháng, với mức lãi suất cố định 1,1%/tháng trên dư nợ thực tế tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền. Thanh toán định kỳ hàng tháng (bao gồm gốc và lãi trong hạn); Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cầm cố trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Ngoài ra còn các khoản Phí quản lý hồ sơ cố định: 0,5%/ tháng trên dư nợ thực tế tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền; P1 tổ chức kiểm tra giá trị tài sản ban đầu; Phí đăng ký và xóa giao dịch bảo đảm; Phí trả nợ trước hạn: 7% trên dư nợ thực tế chưa đến hạn (thu khi khách hàng có nguyện vọng muốn trả nợ trước hạn); Phạt vi phạm kỳ hạn trả nợ với mức phí: 8% trên dư nợ thực tế chưa đến hạn; Phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại là 8% giá trị phần nghĩa vụ bị vi phạm. Trong trường hợp nghĩa vụ vi phạm là nghĩa vụ thanh toán đúng hạn là khách hàng sẽ thanh toán giá trị phạt vi phạm bằng 8% tổng số tiền gốc theo kỳ mà khách hàng chưa thanh toán tại thời điểm áp dụng quy định phạt vi phạm này.

Công ty S1 nhận tài sản bảo đảm là xe máy của bà C đã tiến hành đăng ký biện pháp bảo đảm hợp đồng.

Ngày 06/7/2023, bà C đã có văn bản ủy quyền cho Công ty TNHH S2 - Chi nhánh P2 được thực hiện các nội dung ủy quyền trong đó có nội dung: Công ty TNHH S2 - Chi nhánh P2 được thay mặt bà C quản lý, sử dụng và định đoạt (cho thuê, cho mượn...) tài sản bảo đảm. Và cùng ngày Công ty TNHH S2 - Chi nhánh P2 và bà C đã ký giấy mượn xe thỏa thuận cho bà C mượn lại đối với xe máy hiệu HONDA, số loại KF410AIR biển số 85B1-589.66 là tài sản mà bà C đã cầm cố. Thời hạn mượn xe 30 ngày từ ngày 06/7/2023 đến 06/8/2023.

Quá trình thực hiện các hợp đồng trên bà C đã thanh toán được tổng số tiền là 15.840.000đồng. Sau đó, bà C không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty S1 mặc dù được nhắc nhở nhiều lần. Do bà C thực hiện không đúng nghĩa vụ cam kết nên Công ty khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: Buộc bà Thái Thị Huyền C phải thanh toán số tiền tính đến ngày 29/7/2025 là 20.573.396 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 16.309.625đồng, nợ lãi trong hạn: 1.104.898đồng, nợ lãi quá hạn: 3.158.872đồng. Kể từ ngày tiếp theo bà C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng

cầm cố đã ký cho đến khi thanh toán xong nợ.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn S đã thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau: Không yêu cầu bà C phải trả các khoản phí phát sinh chưa thanh toán theo hợp đồng đã ký kết là Hợp đồng cầm cố, phụ lục hợp đồng cầm cố, giấy mượn xe.

Sau khi bà C thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì Công ty S1 sẽ trả lại bà C bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy và thực hiện thủ tục xóa đăng ký tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Bị đơn bà Thái Thị Huyền C: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà C nhưng bà C không đến Tòa án làm việc và không có ý kiến phản hồi gì liên quan đến tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn chưa thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ Luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của BLTTDS, xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật là có cơ sở.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra, đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Lời trình bày và kết quả tranh tụng của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng.

[1.1] Xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Công ty S1 khởi kiện yêu cầu bà C phải thanh toán số tiền vay đã nhận khi cầm cố tài sản và trả lại xe đã mượn. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay có cầm cố tài sản; Tranh chấp hợp đồng mượn tài sản” theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại phường P, tỉnh Khánh Hòa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Khánh Hòa theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người

chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Toà án; điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Toà án nhân dân; Nghị quyết số 81/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao về thành lập Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực;

[1.3] Về việc vắng mặt của bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn không đến tham gia tố tụng, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty S1 đối với bà C, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Căn cứ vào Hợp đồng cầm cố tài sản, số hợp đồng: NJM230701005NA20X (mục đích cầm cố tài sản: phục vụ tiêu dùng cá nhân và kinh doanh), phụ lục hợp đồng cầm cố, Phiếu đăng ký cầm cố xe máy (để vay vốn theo hình thức cầm cố tài sản), Giấy ủy quyền, Giấy mượn xe, văn bản chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm, thông báo xử lý tài sản bảo đảm, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định: Ngày 06/7/2023, giữa Công ty S1 và bà Thái Thị Huyền C có thỏa thuận và ký kết hợp đồng về việc vay vốn theo hình thức cầm cố tài sản là xe máy hiệu HONDA, số loại KF410AIR biển số 85B1-589.66, Công ty S1 đã giao tiền (hình thức chuyển khoản) và bà C đã nhận đủ số tiền trên. Hợp đồng cầm cố giữa Công ty S1 và bà C được ký kết trên cơ sở tự nguyện, mục đích, nội dung và hình thức đúng quy định của pháp luật nên xác định Hợp đồng hợp pháp là cơ sở giải quyết quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

[2.2] Quá trình thực hiện các hợp đồng, bà C đã thanh toán cho Công ty S1 được số tiền 15.840.000đồng. Sau đó bà C không thanh toán khoản tiền nào cho Công ty S1. Do bà C đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán mặc dù được Công ty S1 nhắc nhở nhiều lần, vi phạm Hợp đồng đã ký bà C là người có lỗi nên phải chịu mọi hậu quả phát sinh từ hợp đồng và theo quy định của pháp luật.

Tính đến ngày 29/7/2025, bà C còn nợ số tiền là 20.573.396 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 16.309.625đồng, nợ lãi trong hạn: 1.104.898đồng, nợ lãi quá hạn: 3.158.872đồng. Như vậy, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên cần được chấp nhận, bà C phải có nghĩa vụ trả cho Công ty SAWAD các khoản tiền trên.

[2.3] Đối với yêu cầu: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền nợ gốc theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cầm cố cho đến khi thanh toán xong toàn bộ

khoản nợ. Xét thấy yêu cầu này phù hợp với các nội dung mà các bên đã thỏa thuận nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Đối với tài sản cầm cố là xe máy hiệu HONDA, số loại KF410AIR biển số 85B1-589.66 và các khoản phí chưa thanh toán mà Công ty S1 và bà C đã ký tại Hợp đồng cầm cố, Phụ lục hợp đồng cầm cố, Giấy mượn xe do Công ty S1 không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ghi nhận ý kiến của Công ty S1 về việc sau khi bà C thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì Công ty S1 sẽ trả lại cho bà C bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy cho bà C và thực hiện thủ tục xóa đăng ký tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật.

[3]. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà C nhưng bà C không có văn bản trình bày ý kiến và cũng không phản đối những tình tiết, sự kiện cũng như những tài liệu, chứng cứ do Công ty S1 xuất trình nên có cơ sở khẳng định bà C đã từ bỏ quyền của mình được pháp luật quy định.

[4]. Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với những nhận định nêu trên nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271, 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Tòa án; điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân; Nghị quyết số 81/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực;

Căn cứ các Điều 309, 310, 311, 313, 316, 357, 463, 466, 468, 470, 494, 496, 497 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S1.

2. Buộc bà Thái Thị Huyền C có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty cổ phần S1 số tiền tính đến ngày 29/7/2025 là 20.573.396 đồng (hai mươi triệu năm trăm bảy mươi ba ngàn ba trăm chín mươi sáu đồng). Trong đó: Nợ gốc: 16.309.625 đồng, nợ lãi trong hạn: 1.104.898 đồng, nợ lãi quá hạn: 3.158.872 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bà Thái Thị Huyền C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền nợ gốc theo mức lãi suất Công ty cổ phần S1 và bà C thỏa thuận trong Hợp đồng cầm cố cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Ngay sau khi bà Thái Thị Huyền C thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì Công ty cổ phần S1 có nghĩa vụ giao trả cho bà C bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 85 008480 do Phòng C1 Công an tỉnh N cấp cho bà Thái Thị Huyền C ngày 20/02/2023 và thực hiện thủ tục xóa đăng ký tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí:

Bà Thái Thị Huyền C phải chịu 1.028.000 đồng (một triệu không trăm hai mươi tám ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho Công ty cổ phần S1 số tiền 667.000 đồng (sáu trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003430 ngày 18/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - T, tỉnh Ninh Thuận (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 5-Khánh Hoà). Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hoà;
- VKSND KV5 – Khánh Hoà;
- THADS tỉnh Khánh Hoà;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Vân

